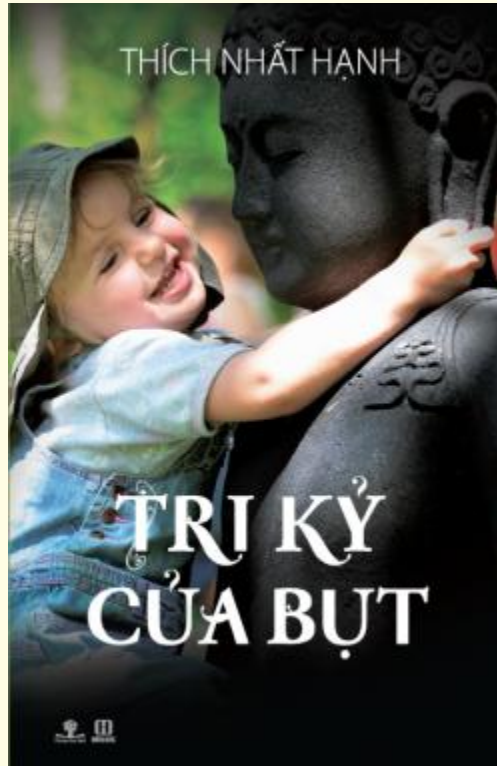


Độc tác phẩm mới nhất của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh



Trong mùa tu gieo duyên năm nay tại chùa Viên Giác Hannover bắt đầu từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 7 năm 2015, có chừng 50 đến 70 Phật Tử tại gia khắp nơi về tham dự. Có người tu liên tục trong 10 ngày, nhưng cũng có người chỉ tham gia trong 5 ngày miên mật cuối cùng, dưới sự hướng dẫn của Thầy Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác. Đạo Hữu Thông Giác là một Phật Tử tại gia đến từ Neuss, có mang theo một quyển sách thật dày của Thiền Sư Nhất Hạnh do Năng Mới tại Đức xuất bản tặng cho tôi. Tôi thấy sách dày thì không ngán, nhưng chỉ ngán là không có thời gian. Vì lẽ, tôi hay đọc Đại Tạng Kinh, có quyển dày đến hơn 1.000 trang cũng chẳng có sao cả. Rồi tôi cứ để mặc đó, nhưng kỳ này trước khi đi Chicago Hoa Kỳ tham dự lễ tang của Thầy Hạnh Tuấn và đi Ấn Độ, mỗi nơi chỉ có 3 ngày và tôi lợi dụng thời gian ngồi trên máy bay hay thời gian chờ đợi ở phi trường để đọc cho xong tác phẩm này.

Đó là quyển “Tri Kỷ của Bụt” dày 660 trang và tôi đã đọc trong 6 tiếng đồng hồ, mỗi lần đọc hai tiếng trong khoảng thời gian cách nhau nhiều ngày. Đọc Kinh, sách là niềm vui của tôi, vì tôi muốn tìm hiểu thêm để học hỏi từ những tác giả khác. Đạo Hữu Thông Giác còn viết thêm mấy chữ ở một miếng giấy rời là: “Đây có thể là tác phẩm cuối cùng của Thiền Sư Nhất Hạnh”. Đó cũng là lý do chính đáng để tôi phải đọc tác phẩm này. Vì sao vậy? Vì lẽ tên tuổi của Thầy Nhất Hạnh ai mà không biết, ngay cả đi ngoài phi trường hay vào nhà sách Âu Mỹ, người địa phương thường hỏi tôi rằng: Có phải Lama Tây Tạng hay có biết Thầy Thích Nhất Hạnh không? Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ để cho chúng ta cần quan tâm đến.

Tôi không biết là mình đã bắt đầu đọc sách của Thầy Nhất Hạnh lúc nào, nhưng sớm nhất có thể là vào năm 1964 khi tôi mới vào chùa. Trong đó có những tác phẩm như: Nói với tuổi hai mươi, Bông hồng cài áo, Cửa tùng đôi cánh gài, Hoa sen trong biển lửa v.v... Một điều tôi không bao giờ quên là năm 1964 tôi đã bắt đầu học thuộc lòng bài Sám Quy Mạng nghĩa do Thầy Nhất Hạnh dịch sang tiếng Việt, câu văn rất trong sáng, mà Tăng chúng chùa Viên Giác tại Hannover cho đến ngày nay mỗi tuần đều có trì tụng một lần. Sau này có thêm bài dịch của Ni Trưởng Thích Nữ Trí Hải dịch rất văn chương và thâm trầm với ý nghĩa vãng sanh về Tịnh Độ, thì chúng tôi cũng đã, đang và sẽ hành trì cả bản văn chữ Hán và hai bản văn dịch này hàng tuần để nhớ và niệm ân người xưa đã vì thế hệ đi sau mà mở khai phương tiện như vậy. Ôn nghĩa ấy thật là nghìn trùng.

Thế hệ của chúng tôi xuất gia từ thập niên 60 nên có cơ duyên tham cứu, học hỏi sách vở cũng như tư tưởng của Thầy Nhất Hạnh không ít. Ví dụ như việc học cả hai chương trình thế học và Phật học hay nói đúng hơn là ngoại điển và nội điển. Nếu không có những thế hệ tiên phong như Thầy Nhất Hạnh vào thời gian trước đó, thì chúng tôi khi xuất gia, đều bị đóng khung trong 4 cánh cửa của chùa. Do vậy chúng ta cũng phải nên cảm ơn Thầy Nhất Hạnh là một trong những vị Tăng Sĩ Việt Nam đầu tiên muốn thực hiện việc hiện đại hóa Phật Giáo và tinh thần ấy vẫn còn có giá trị đến ngày hôm nay cho cả trong lẫn ở ngoài nước. Việc tốt, xấu, khen, chê, tán dương ca ngợi hay đả phá...tôi không đề cập đến trong bài này, vì lẽ tư tưởng của một người có ảnh hưởng đến quần chúng thì phải cần thời gian và năm tháng mới có thể thành công được.

Từ phong trào “Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội” của Thầy đã chủ trương cho đến “giới Tiếp Hiện” cho Cư Sĩ lẫn Tu Sĩ hay còn gọi là Tăng Thân. Mãi cho đến năm 1988 Thầy Nhất Hạnh vẫn còn chú trọng sâu vào hai lãnh vực trên, nhưng kể từ năm 1988 trở đi Thầy thấy rằng không thể thiếu hình ảnh của Tăng Đoàn, nên Thầy đã thu nhận người xuất gia và trong hiện tại, Thầy là một Thiền Sư Việt Nam có nhiều đệ tử xuất gia nhất, có thể trên 1.000 vị chứ không ít. Như vậy vai trò của người xuất gia không thể thiếu trong việc truyền thừa giáo lý của Phật Đà.

Nay thì Thiền Sư đang chữa bệnh tại Hoa Kỳ, hy vọng Ngài sẽ chóng bình phục và nhân tiện này với cá nhân tôi, xin niệm ân Ngài không ít, nhất là vào thời điểm năm 1975 khi quê hương đất Việt đã thay ngôi đổi chủ, việc tài trợ kinh phí không còn nhận được nữa, thì chính Ngài đã kêu gọi một Hội Thánh Tin Lành tại Stuttgart, Đức quốc hỗ trợ cho Tăng Ni Sinh Việt Nam du học tại Nhật Bản lúc bấy giờ, mỗi tháng được trợ cấp 100 USD cho đến khi ra trường. Nếu Ngài có đọc được bài này thì việc niệm ân này chắc cũng không đến nỗi quá trễ. Năm 1989 chùa Viên Giác tại Hannover có thỉnh Ngài sang để giảng một thời Pháp và tôi cũng đã 2 lần ghé thăm Làng Hồng (Mai) để tham cứu học hỏi, nhưng vì thiếu duyên nên không liên hệ nhiều với Ngài. Tuy nhiên Đệ Tử quy y năm giới với tôi, đã xuất gia với Ngài không ít. Năm 2013 tôi có dịp ghé Waldbroll, nơi Viện Phật Học Ứng Dụng nằm gần Koln, đi cùng với Thầy Pháp Trú để thăm Ngài, lúc ấy Ngài đã bắt đầu bình nhẹ và tôi cũng đã tặng cho Ngài một số Tác phẩm cũng như dịch phẩm của mình.

Nội dung của quyển “Tri Kỳ của Bụt” chắc quý vị đang nóng lòng chờ đợi để được biết, mà tôi thì nhập đề lung khởi quá dài dòng phải không? Đúng thế! Vì cuộc đời và tư tưởng của một con người sống trên 90 tuổi thì không thể chỉ nói và viết trong một vài trang giấy được, mà bút mực thì có hạn, còn tư tưởng của con người thì lại vượt ra khỏi không gian và thời gian rồi. Gần đây một số báo chí Tây phương cũng có xếp hạng những người có uy tín đối với đời sống tinh thần của họ, thì Đức Đạt Lai Lạt Ma dẫn đầu và Thầy Nhất Hạnh đứng hàng thứ 4 trong 100 vị có uy tín nhất trên thế giới và ngày nay nếu có ai đó ra tiệm sách Đức để mua sách Tôn Giáo và khi nhìn phía sau những bìa sách này thường có ghi bằng tiếng địa phương là: “Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 là người lãnh đạo tinh thần có uy tín nhất trên thế giới và

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh được xếp vào vị trí thứ hai”. Có lẽ do họ đọc sách và tư tưởng của các Ngài nên mới có được những thông kê cụ thể như thế.

Tri Kỷ có nghĩa là gần gũi, hiểu biết, chứ không phải ở xa để nói và viết về một người, ngay cả là Đức Phật. Đọc xuyên suốt 660 trang sách ta có nhận thức là Thiền Sư đã thâm thấu qua Kinh Điển Đại Thừa và truy nguyên Kinh Điển Nam Truyền ở thời gian sau này để Thầy Nhất Hạnh cụ thể hóa hơn về những lời dạy của Đức Phật, khiến cho mọi người dễ hiểu. Đây là một thành công của Thầy ấy. Còn chữ Bụt thì lâu nay đã có nhiều sách vở đã luận bàn, thiết nghĩ tôi không cần phải nhắc lại ở đây nữa. Riêng tôi vẫn tôn trọng theo truyền thống và dùng chữ Phật như Ngài Huyền Trang đã dịch, để tuyên dương giáo lý Phật Đà. Mỗi dân tộc, mỗi ngôn ngữ đều có cách phát âm riêng, điều quan trọng là ta nắm bắt được gì từ tư tưởng ấy để hành trì hay không, chứ bị kẹt vào văn tự thì mãi cho đến bao giờ chúng ta vẫn là những con tằm nằm trong cái kén, khó thoát ra ngoài vỏ kén để tạo nên tơ lụa và dệt nên những gấm hoa để trang điểm cho cuộc đời này.

Thiền Sư Nhất Hạnh đi qua các Pháp số về Tứ y (bốn nơi nương tựa), Tứ Diệu Đế, Tứ Tất Đản (thế gian tất đản, vị nhân tất đản, đối trị tất đản và đệ nhất nghĩa tất đản) và Tam Pháp Ấn. Ngài nhấn mạnh về tư tưởng Tương Tức vốn là tư tưởng tuyệt đối của Đức Phật khi nói đến bất cứ một vấn đề gì, cho nên Thầy Nhất Hạnh rất quan tâm và đào sâu về lãnh vực này. Ví dụ Thầy dùng: There is no way to peace, peace is the way (không có con đường nào dẫn đến hòa bình (hạnh phúc), hòa bình chính là con đường). Đây chính là tư tưởng Tương Tức hay tư tưởng Tất Đản. Thầy ví dụ khi một người muốn đi Paris, lên tàu TGV chạy nhanh từ Bordeaux hướng về Paris thì người ấy trước sau gì cũng sẽ đến Paris, chỉ trừ khi người ấy có ý định đi ngược hướng lại thì khác. Từ đó Thầy chứng minh pháp môn của Làng Mai (Pháp môn này Thầy cũng đã dạy cho Tăng Ni trong khóa An Cư Kiết Đông tại Làng vào năm 2011 và 2012 và những bài giảng ấy đã là sự thành tựu của tác phẩm này). Thầy viết: There is no way to Nirvana, Nirvana is the way (không có con đường nào dẫn đến Niết Bàn, Niết Bàn chính là con đường). Tư tưởng này rất hay và Ngài chứng minh rằng: Khi người ta đi và hướng đến có nghĩa là người ta đang và đã chứng thực được hạnh phúc hay Niết Bàn rồi, không cần phải đến cuối điểm Paris mới gọi là đến, mà mục đích đích thực đã đạt được trên đường đi đến rồi.

Từ đó trong phần sau của quyển sách này Thầy đã hệ thống hóa lại tư tưởng của Thập Nhị Nhân Duyên, không còn là 12 chi như Đức Phật đã dạy, mà rút gọn lại còn 5 hay 6 chi. Điều này Thầy lấy ra từ tư tưởng Trung Đạo của Ngài Long Thọ và tư tưởng Nhân Duyên Sanh của Đức Phật đã dạy. Nghĩa là: Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh, cái này diệt nên cái kia diệt. Không ai sanh ra ai cả, ngay cả cha và con. Khi người cha chưa sinh con thì người ấy không thể gọi là cha, mà cha và con là một, trong cha có con và trong con có cha. Giống như trời mưa, tuyết rơi, gió lạnh... không có cái nào là chủ thể cả. Nếu lấy chữ trời rồi khỏi chữ mưa thì mưa vẫn là mưa và mưa không cần chủ thể, rồi mưa đi về đâu? Thành nước, thành mây rồi lại thành mưa.... Cái tương duyên ấy rất quan trọng trong giáo lý duyên khởi của Đạo Phật.

Quán sát qua tư tưởng Trung Đạo của Ngài Long Thọ chủ trương thì có 8 loại của Trung Đạo. Đó là: Không đến, không đi, không còn, không mất, không tăng, không giảm, không một mà cũng chẳng phải là một. Ấy là Trung Đạo, là vượt lên trên mọi sự đối đãi của có, không, còn mất v.v... Không trong Đạo Phật qua lời Phật dạy không phải là không gì cả, mà cái không này vượt lên trên cái có và cái không theo nhận thức bình thường của thế gian pháp. Không đây có nghĩa là: Không sinh, không diệt và vượt lên trên mọi sự đối đãi thường tình.

Đọc văn của Thầy Nhất Hạnh cảm thấy nhẹ nhàng dễ hiểu, dù cho tác phẩm ấy có khó đến đâu đi nữa mà qua sự giải thích trình bày của Thầy ấy bằng Việt ngữ, Anh ngữ hay Pháp ngữ, chúng ta vẫn cảm thấy nhẹ nhàng dễ lãnh hội những tư tưởng cao siêu từ thời Đức Phật còn tại thế, mãi vang vọng và tồn tại cho đến ngày nay trên hành tinh này. Trong sách này cũng còn đề cập đến rất nhiều khía cạnh của các pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và Ngài đã bỏ qua việc niệm Thiên như giáo lý Nam Truyền vẫn thường hay dùng đến. Thầy cũng đã chứng minh về Tứ Pháp Ấn thời Phật còn tại thế, khác với tứ Pháp Ấn hay Tam Pháp Ấn mà ngày nay cả Nam Tông cũng như Bắc Tông đang hành trì. Thầy chứng minh rằng: Ngày nay bên Nam Tông chư Tăng thường hay chỉ dùng đến vô thường và khổ để giảng dạy cho Phật Tử, còn tư tưởng Không và Niết Bàn thì hầu như không được đề cập đến, trong khi tư tưởng Đại Thừa thì phong phú hơn, ngoài Vô thường và Khô ra, còn có Không và Vô Ngã (Niết Bàn) nữa. Như vậy giữa hai sự truyền thừa, qua thời gian và năm tháng có nhiều sự khác biệt nhau. Nếu ai hiểu được Phật thì sẽ là người Tri Kỷ với Phật vậy. Vì người ấy hiểu được Pháp của Ngài.

Nếu chúng ta đọc lịch sử Phật Giáo và những lời dạy của Đức Phật qua sự truyền thừa cũng như những lời giáo huấn căn bản của Đức Phật thì chúng ta thấy có nhiều sự khác biệt về việc truyền thừa cũng như tư tưởng ấy phải trải qua từng giai đoạn khác nhau. Ví dụ như tư tưởng Phật Giáo khi du nhập vào Trung Hoa lại khác với Nhật Bản, Đại Hàn lại khác với Việt Nam và ngay cả các xứ theo Phật Giáo Nam Tông như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan v.v.. về cách hành trì cũng khác nhau, mặc dầu các nước này vẫn còn dùng ngôn ngữ để tụng tụng chung là tiếng Pali. Trong khi đó Đại Thừa thì quá đa dạng, mỗi nước thu thập và chuyển đổi tư tưởng của Phật nguyên thủy dạy không còn giống như thời nguyên thủy nữa.

Theo tôi nhận xét và chỉ là ý kiến riêng của mình mà thôi. Nghĩa là: Tư tưởng nào, sự cải cách nào cũng phải được trải qua thời gian và năm tháng từ nhiều trăm năm trở đi, nếu được nhiều người truyền tụng thực hành v.v... thì sự cải cách ấy mới có giá trị và trụ vững lại trên cõi đời này. Nếu sự cải cách ấy chỉ vài mươi năm và số người thực hành chưa thành nếp, thì sự cải cách ấy chưa thành công được. Khi nhìn lịch sử Phật Giáo Trung Hoa hay Nhật Bản chúng ta thấy riêng Thiên Tông mà cũng có nhiều Tông Phái khác nhau: Tào Động khác với Lâm Tế, Quy Ngưỡng khác với Vân Môn v.v... Tông nào còn tồn tại lâu dài được với đời thì sự cải cách của các vị Tổ Sư ấy mới có giá trị.

Ở cuối sách, Ngài có đề cập đến một ít tư tưởng trong Kinh A Di Đà và tuy Thầy không bài bác pháp môn Tịnh Độ, nhưng Ngài khuyên Phật Tử nên phân biệt rõ ràng giữa một Tôn Giáo (một Đức Phật) lịch sử với một niềm tin Tôn Giáo (tín ngưỡng) nó không giống nhau. Do vậy hành giả cần phải thận trọng hơn, khi chọn pháp môn để tu tập và thực hành. Đối với Thiên Chánh Niệm như của Thiền Sư Nhất Hạnh thì “Here and now” là quan trọng bậc nhất, nghĩa là trong bất cứ một động tác nào cũng phải lưu tâm sâu xa đến đề tài quán niệm của mình. Do vậy đôi khi ta bắt gặp được tư tưởng của nhiều Thiền Sư trong đó kể cả Thiền Sư Nhất Hạnh qua tư tưởng Tịnh Độ là đây, chứ không phải là nơi nào khác. Đó chính là tư tưởng của Thầy. Trong khi đó Ngài Thánh Nghiêm ở Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan thì quan niệm rằng có 4 cảnh giới Tịnh Độ. Đó là: Nhân gian Tịnh Độ, Thiên Quốc Tịnh Độ, Phật Quốc Tịnh Độ và Phật Tánh Di Đà Tịnh Độ. Riêng tôi thì nghĩ rằng: Tịnh Độ có rất nhiều cõi mà một Thiền Sư cũng có thể nương về trong các cõi Tịnh Độ như: Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, Đông Phương Tịnh Độ của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Đâu Suất Tịnh Độ (nội cung) của Đức Phật Di Lặc và không nhất thiết phải là vãng sanh về Tây phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. Nói chung thì Tịnh Độ có vô lượng cõi, còn Cực Lạc thì chỉ có một mà thôi. Cõi ấy do Đức Phật A Di Đà đang giáo hóa ở Tây Phương qua 48 lời nguyện của Ngài, khi Ngài còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo đã phát ra 48 lời nguyện như vậy.

Nhìn chung thì tác phẩm này là một tác phẩm quý giá đáng đọc, mà cũng có thể đây là tác phẩm sau cùng của Thầy Thích Nhất Hạnh như Đạo Hữu Thông Giác đã nói, vì lẽ năm nay Ngài đã hơn 90 tuổi rồi, chắc gì sau khi khỏi bệnh, Ngài còn minh mẫn để giảng giải khúc chiết tỉ mỉ như tác phẩm này, vốn là một tác phẩm được đúc kết bởi một cuộc đời tu học và hoằng pháp của Ngài xuyên suốt trong gần một thế kỷ qua. Đọc xong một tác phẩm chúng ta học hỏi được một vài điều nhấn gửi từ tác giả là quý hóa lắm rồi. Vì cuộc đời này hay nẻo Đạo cũng thế, những gắm hoa được trang sức cho nền Đạo học ấy không phải chỉ có vài sợi tơ lụa được dệt thành một tấm thảm vô giá, mà chính từ sự đóng góp của mỗi một cá thể trong chúng ta mới có thể tạo nên một tác phẩm giá trị kia.

Nói như Thầy Nhất Hạnh đã nói ở đâu đó rằng: “Nếu con tầm ăn dâu mà chỉ thải ra toàn là chất dâu thì dâu có ích lợi gì cho đời này. Lá dâu kia phải được con tầm xay nhuyễn ra để tự làm thức ăn cho mình, rồi từ đó tạo thành chiếc kén để quay thành tơ, dệt nên lụa là...thì sự tiêu thụ lá dâu ấy mới có ý nghĩa”. Quả thật đúng như vậy, nếu chúng ta học Phật mà không tiêu hóa giáo lý của Đức Phật đã dạy thì hóa ra chúng ta chỉ là những con tầm, cũng biết ăn dâu đấy, nhưng chưa tiêu hóa được giáo lý thậm thâm vi diệu kia, thì làm sao có thể trang điểm được cho đời này bằng những hành trang cần thiết để lướt đi trên con đường thiên lý, giác ngộ, giải thoát ấy.

Tôi viết bài này để niệm ân Ngài, vì lẽ trong sự tương tức nào đó, nếu không có cái này thì sẽ không có cái kia, thì tôi cũng là một cá nhân đã chịu ân của Ngài trong khi còn du học tại Nhật Bản từ những năm 1975 đến năm 1977, thì đây chính là một cái nhìn, một sự nhận xét thiện cận của mình sau khi đọc trọn tác phẩm “Tri Kỷ của Bụt” mà Ngài đã dày công giảng dạy cho Tăng Ni Làng Mai trong suốt hai mùa An Cư Kiết Đông của năm 2011 và 2012 vừa qua.

Khi nhận định về một tác phẩm, chắc chắn có phần chủ quan, thiếu khách quan. Kính mong Ngài hoan hỷ đoãn nạp cho.

Viết xong vào một sáng mùa Đông tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc tháng 12 năm 2015.

HT Thích Như Điển